

Số: 53/2023/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 9 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 81/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lò Văn C, sinh năm 1973. Địa chỉ; Bản N, Ngh, xã N, Ngh, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

- Chị Bùi Thị T, sinh năm 1973. Địa chỉ; Tiểu khu 3, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Lò Văn C và chị Bùi Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 1995 do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 05/07/1995.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cũng không được hòa thuận hạnh phúc. Anh chị cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng là do anh chị tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã xô xát nhau. Mặc dù anh

chị đã được hai bên gia đình hòa giải khuyên bảo nhưng không thành. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ năm 1998 cho đến nay. Sau thời gian sống ly thân, anh chị đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể thực hiện được, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất thuận tình ly hôn giữa hai bên. Tại phiên hòa giải, anh C, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị T và anh C.

[2] Về con chung: Chị T, anh C có 01 con chung là cháu Lò Thu Trang, sinh năm 1995. Hiện nay cháu đã đủ tuổi trưởng thành, nên anh chị không đề nghị Tòa án xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị T tự nguyện nhận chịu nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Lò Văn C nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị T, anh C có 01 con chung là cháu Lò Thu Trang, sinh năm 1995. Hiện nay cháu đã đủ tuổi trưởng thành, nên anh chị không đề nghị tòa án xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Các đương sự tự nguyện thỏa thuận chị Bùi Thị T nhận chịu nộp lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VND đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0002342 ngày 19 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Tráng A Tênh